

NGHỊ QUYẾT

Quy định chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề, giải bản đối với tàu cá không có nhu cầu hoạt động, không đủ điều kiện khai thác thủy sản trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thủy sản số 18/2017/QH14;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Xét Tờ trình số 434/TTr-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết Quy định chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề, giải bản đối với tàu cá không có nhu cầu hoạt động, không đủ điều kiện khai thác thủy sản trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Báo cáo thẩm tra số 143/BC-KTNS ngày 05 tháng 12 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề, giải bản đối với tàu cá không có nhu cầu hoạt động, không đủ điều kiện khai thác thủy sản trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề, giải bản (là việc Nhà nước thu hồi và xử lý tàu cá thông qua tháo dỡ, tiêu hủy theo quy định

của phát luật) đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 6 mét trở lên không có nhu cầu hoạt động, không đủ điều kiện khai thác thủy sản trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cá nhân, hộ gia đình có tàu cá thuộc quy định tại khoản 1 Điều này, có đăng ký thường trú trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

b) Chủ tàu cá có tàu cá thuộc diện giải bản theo quy định, có nguyện vọng học nghề, chuyển đổi nghề hoặc tìm kiếm việc làm mới để ổn định cuộc sống sau khi giải bản tàu cá.

c) Thành viên hộ gia đình đang cùng sinh sống thực tế của chủ tàu cá trực tiếp tham gia hoạt động khai thác hoặc sống phụ thuộc vào nghề cá, có nhu cầu học nghề, chuyển đổi việc làm, tìm kiếm sinh kế khác ngoài khai thác thủy sản.

d) Các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan đến việc thực hiện chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề, giải bản tàu cá.

Điều 2. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Hỗ trợ đúng đối tượng, công khai, minh bạch, không trùng lặp, gắn với mục tiêu cắt giảm tàu cá và khuyến khích ngư dân chuyển đổi từ hoạt động khai thác thủy sản sang các ngành nghề khác ngoài khai thác thủy sản, phù hợp với điều kiện địa phương, góp phần phát triển kinh tế biển bền vững và bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

2. Chỉ hỗ trợ đối với tàu cá thuộc quyền sở hữu hợp pháp của chủ tàu (*căn cứ vào hồ sơ, giấy tờ hợp pháp theo quy định của pháp luật về thủy sản; trường hợp không có hồ sơ, giấy tờ yêu cầu phải có Bản tự kê khai và cam kết về tình trạng tàu cá, có xác nhận của Trưởng thôn/Tổ trưởng tổ dân phố về việc sở hữu và sử dụng thực tế*); tàu cá không bị tranh chấp, kê biên, tạm giữ, thế chấp hoặc bảo đảm nghĩa vụ tài chính với tổ chức tín dụng.

3. Trường hợp người thuộc diện hỗ trợ theo Nghị quyết này được hưởng đồng thời các chính sách hỗ trợ khác có nội dung tương tự thì được lựa chọn mức hỗ trợ có giá trị cao nhất tại cùng thời điểm; việc lựa chọn phải bảo đảm không trùng lặp kinh phí và tuân thủ quy định của pháp luật.

4. Kinh phí hỗ trợ chuyển đổi nghề chỉ được thanh toán khi người học hoàn thành khóa đào tạo, có xác nhận của cơ sở đào tạo.

5. Chủ tàu cá và thành viên hộ gia đình đang cùng sinh sống thực tế sau khi nhận hỗ trợ phải cam kết không tái đóng mới, mua mới tàu cá và hoàn trả toàn bộ kinh phí hỗ trợ nếu vi phạm cam kết, vĩnh viễn không được mua, đóng mới tàu cá có chiều dài từ 6 mét trở lên.

6. Chủ tàu phải bàn giao tàu cá cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi chủ tàu thường trú để tổ chức kiểm tra, xác nhận tình trạng, lập biên bản giải bản, tiêu hủy hoặc chuyển đổi mục đích sử dụng theo quy định trước khi nhận hỗ trợ.

Điều 3. Nội dung hỗ trợ

1. Hỗ trợ giải bản tàu cá: Hỗ trợ một lần bằng tiền cho chủ tàu cá (chưa bao gồm chi phí tháo dỡ, tiêu hủy thực tế của tàu cá), như sau:

a) Tàu cá có thời gian hoạt động dưới 5 năm: hỗ trợ 80% giá đóng mới vỏ tàu, mức hỗ trợ 21.795.000 đồng/tấn đăng ký.

b) Tàu cá có thời gian hoạt động từ 5 năm đến dưới 10 năm: hỗ trợ 70% giá đóng mới vỏ tàu, mức hỗ trợ 19.075.000 đồng/tấn đăng ký.

c) Tàu cá có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 20 năm: hỗ trợ 60% giá trị đóng mới vỏ tàu, mức hỗ trợ 16.350.000 đồng/tấn đăng ký.

d) Tàu cá có thời gian hoạt động từ 20 năm trở lên: hỗ trợ 50% giá trị đóng mới vỏ tàu, mức hỗ trợ 13.625.000 đồng/tấn đăng ký.

đ) Hỗ trợ 70% giá máy chính tàu cá đã qua sử dụng, với mức hỗ trợ 591.500 đồng/CV (*CV là đơn vị đo công suất máy*).

e) Thời gian hỗ trợ: đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026.

(Thời gian hoạt động của tàu cá = Năm đăng ký thực hiện giải bản – Năm đóng tàu)

2. Hỗ trợ đào tạo nghề: Hỗ trợ một lần bằng tiền cho chủ tàu cá và các thành viên trong cùng hộ gia đình đang sinh sống thực tế, thuộc diện có tàu cá giải bản, tham gia đào tạo nghề:

a) Hỗ trợ chi phí đào tạo mức tối đa 3.000.000 đồng/người/tháng/khóa học;

b) Hỗ trợ tiền ăn 900.000 đồng/người/tháng/khóa học;

c) Hỗ trợ tiền đi lại 200.000 đồng/người/khóa học.

d) Thời gian hỗ trợ học nghề: tối đa không quá 03 tháng.

3. Hỗ trợ giải quyết việc làm: chủ tàu và các thành viên hộ gia đình đang cùng sinh sống có tàu cá giải bản theo quy định này được ưu tiên hưởng các chính sách hỗ trợ sau:

a) Tư vấn, giới thiệu việc làm miễn phí tại Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh;

b) Hỗ trợ vay vốn ưu đãi để tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm, hoặc đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, từ Quỹ quốc gia về việc làm và các nguồn tín dụng ưu đãi khác theo quy định của pháp luật;

c) Được ưu tiên tham gia các chương trình, dự án hỗ trợ chuyển đổi sinh kế, khởi nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp, thủy sản và dịch vụ ven biển do tỉnh triển khai.

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

Từ nguồn ngân sách Trung ương (nếu có), ngân sách tỉnh và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.
2. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.
3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa XII, Kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2025. 

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Bộ Tài chính;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Ban Thường vụ Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh;
- TT HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Các Ban HĐND tỉnh; đại biểu HĐND tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy; Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành đoàn thể cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQVN các xã, phường;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Báo và Phát thanh truyền hình Gia Lai;
- Trang thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT; HSKH.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trương Văn Đạt